

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH QUÁN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 23-9-2024  
v/v “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN - TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trương Thị Thịnh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Lương Thanh Kỳ** và bà **Nguyễn Thị Quy**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Phan Nguyễn Thành Trung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà **Trịnh Thị Thanh Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 112/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Hà Thị T**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: A, phố B, ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

*Bị đơn:* Anh **Lâm A H**, sinh năm: 1980

Địa chỉ: A, phố B, ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2024, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L A H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 05/03/2010. Vợ chồng chị sống chung hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau về cách sống, tiền bạc, công việc. Chị và anh H đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Tình cảm

không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lâm A H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có 02 con chung tên là Lâm Tường V, sinh ngày 26/3/2017 và Lâm Sâm H2, sinh ngày 07/3/2010. Hiện tại cháu V, cháu H2 đang chung sống với anh H1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2024, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V và đồng ý giao cháu H2 cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn.

Tại bản tự khai đề ngày 18/7/2024, chị T trình bày trong trường hợp anh H1 không đồng ý giao cháu V cho chị nuôi dưỡng thì chị đồng ý để anh L A H1 tiếp tục chăm sóc cháu V. Tuy nhiên trường hợp anh H1 không chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo cuộc sống cho các con chung thì chị T yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người nuôi con theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai đề ngày 26/8/2024, chị T xin thay đổi yêu cầu về nuôi con, cụ thể chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lâm Sâm H2 và đồng ý giao cháu Lâm Tường V cho anh H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hà Thị T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Hà Thị T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt trong các buổi làm việc, các phiên họp, hoà giải và xét xử.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/7/2024, biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh L A H1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/3/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống ở xã P. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là bất quan điểm sống, bất đồng trong chuyện tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng cãi nhau thường xuyên dẫn đến ly thân cho đến nay. Nay chị Hà Thị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì lý do anh vẫn muốn cho chị T cơ hội.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung là Lâm Sâm H2, sinh ngày 07/3/2010 và Lâm Tường V, sinh ngày 26/3/2017. Hiện tại cả hai con chung đang ở với anh, do anh chăm sóc từ lúc anh và chị T ly thân. Hiện tại anh đang dạy thêm và cho thuê mặt bằng, thu nhập trung bình 12.000.000 đồng/tháng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H1 khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Bản sao CCCD; Xác nhận thông tin cư trú; Bản sao giấy khai sinh con chung; trích lục kết hôn; Bản tự khai; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt; các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Bị đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: Bản photo CCCD.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/7/2024; đơn trình bày nguyện vọng con chung; biên bản ghi nhận nguyện vọng con chung ngày 29/7/2024; biên bản xác minh ngày 13/8/2024

*Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán phát biểu ý kiến như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn không tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị Hà Thị Tân ly H3 với anh L A H1; Về con chung: Giao hai con chung là Lâm Sâm H2, sinh ngày 07/3/2010 và Lâm Tường V, sinh ngày 26/3/2017 cho anh H1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn; Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H1 không yêu cầu nên tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị T; Về tài sản chung: không xem xét, không giải quyết; Về nợ chung: Chị T, anh H1 trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:

Chị Hà Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh L A H1 và yêu cầu được nuôi con sau ly hôn. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lâm A H có nơi cư trú tại: ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, đã mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất và hoãn phiên tòa để triệu tập lại nhưng anh H vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Đối với nguyên đơn chị Hà Thị T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị T, anh H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng:

Chị Hà Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L A H vì vậy chị T là nguyên đơn, anh H là bị đơn theo Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị T, anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 05/03/2010. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

Đời sống hôn nhân của chị T, anh H hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày và sự thừa nhận của anh H là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau nên thường xảy ra cãi vã, hiện nay đã sống ly thân từ đầu năm 2023, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Bị đơn anh L A H tuy thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật nhưng không đồng ý ly hôn với chị T. Anh H không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên đã vi phạm nghĩa vụ chứng minh tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét yêu cầu của bị đơn là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Vì vậy có đủ cơ sở xác định vợ chồng chị T, anh H đã có những mâu thuẫn lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T, anh H trình bày có 02 con chung tên Lâm Sâm H2, sinh ngày 07/3/2010 và Lâm Tường V, sinh ngày 26/3/2017.

Chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lâm Sâm H2 và đồng ý giao cháu Lâm Tường V cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sau ly hôn. Tuy nhiên qua xác minh tại địa phương và sự thừa nhận của các đương sự thể hiện cháu H2, cháu V đang sống chung với anh H, do anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các con chung cũng có nguyện vọng ở chung với anh H, hiện anh H cũng đang có thu nhập ổn định nên để bảo đảm cuộc sống cho con chung phát triển tốt về mặt thể chất cũng như ổn định vấn đề tinh thần, tâm lý cho trẻ nên tiếp tục giao cháu V, cháu H2 cho anh H nuôi dưỡng là có cơ sở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do anh H không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh H trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết vì vậy không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

**Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện** của chị Hà Thị T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Lâm A H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T được ly hôn anh L A H.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Không chấp nhận yêu cầu của chị T về việc được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lâm Sâm Hồ. Giao 02 con chung tên Lâm Sâm H2, sinh ngày 07/3/2010 và Lâm Tường V, sinh ngày 26/3/2017 cho anh L A H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Tạm thời miễn cho chị Hà Thị T nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, chị T và anh H được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0014527 ngày 11/7/2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí. Chị T đã nộp đủ án phí.

**5.** Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị T và anh L A H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Nơi nhận:*

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Lợi;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Thịnh**